

**VĂN BẢN QUY PHẠM PHÁP LUẬT****BỘ QUỐC PHÒNG****BỘ QUỐC PHÒNG****CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM****Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**Số: **13** /2019/TT-BQPHà Nội, ngày **29** tháng **1** năm 2019**THÔNG TƯ**

**Quy định, hướng dẫn chế độ quản lý, tính hao mòn, khấu hao tài sản cố định và chế độ báo cáo tài sản cố định là tài sản chuyên dùng, tài sản phục vụ công tác quản lý tại các đơn vị thuộc Bộ Quốc phòng và tài sản cố định do Nhà nước giao cho doanh nghiệp quản lý không tính thành phần vốn nhà nước tại doanh nghiệp thuộc Bộ Quốc phòng**

*Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 22 tháng 6 năm 2015;*

*Căn cứ Luật Quản lý, sử dụng tài sản công ngày 21 tháng 6 năm 2017;*

*Căn cứ Nghị định số 164/2017/NĐ-CP ngày 30 tháng 12 năm 2017 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Quốc phòng;*

*Căn cứ Nghị định số 165/2016/NĐ-CP ngày 24 tháng 12 năm 2016 của Chính phủ quy định về quản lý, sử dụng ngân sách nhà nước đối với một số hoạt động thuộc lĩnh vực quốc phòng, an ninh;*

*Căn cứ Nghị định số 151/2017/NĐ-CP ngày 26 tháng 12 năm 2017 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Quản lý, sử dụng tài sản công;*

*Theo đề nghị của Cục trưởng Cục Tài chính;*

*Bộ trưởng Bộ Quốc phòng ban hành Thông tư quy định, hướng dẫn chế độ quản lý, tính hao mòn, khấu hao tài sản cố định và chế độ báo cáo tài sản cố định là tài sản chuyên dùng, tài sản phục vụ công tác quản lý tại các đơn vị thuộc Bộ Quốc phòng và tài sản cố định do Nhà nước giao cho doanh nghiệp quản lý không tính thành phần vốn nhà nước tại doanh nghiệp thuộc Bộ Quốc phòng.*

**Chương I****QUY ĐỊNH CHUNG****Điều 1. Phạm vi điều chỉnh**

1. Thông tư này quy định, hướng dẫn chế độ quản lý, tính hao mòn, khấu hao tài sản cố định; chế độ báo cáo tài sản cố định là tài sản chuyên dùng, tài sản phục vụ công tác quản lý tại các cơ quan, đơn vị dự toán, đơn vị sự nghiệp công lập (sau đây gọi chung là đơn vị) và tài sản cố định do Nhà nước giao cho doanh nghiệp quản lý không tính thành phần vốn nhà nước tại doanh nghiệp thuộc Bộ Quốc phòng (sau đây gọi tắt là doanh nghiệp).

2. Tài sản chuyên dùng, tài sản phục vụ công tác quản lý tại các đơn vị thực hiện theo quy định tại Thông tư số 318/2017/TT-BQP ngày 31 tháng 12 năm 2017 của Bộ trưởng Bộ Quốc phòng quy định danh mục tài sản chuyên dùng, tài sản phục vụ công tác quản lý và hệ thống sổ, mẫu biểu theo dõi tài sản đặc biệt, tài sản chuyên dùng, tài sản phục vụ công tác quản lý trong Bộ Quốc phòng.

## **Điều 2. Đối tượng áp dụng**

1. Đơn vị có tổ chức cơ quan tài chính; trường hợp đơn vị không tổ chức cơ quan tài chính thì cơ quan tài chính cấp trên trực tiếp tổ chức thực hiện chế độ quản lý, tính hao mòn và chế độ báo cáo tài sản cố định.

2. Doanh nghiệp nhà nước được giao quản lý tài sản cố định không tính thành phần vốn nhà nước tại doanh nghiệp quy định tại khoản 2, khoản 3, khoản 4, và khoản 5 Điều 88 Nghị định số 151/2017/NĐ-CP ngày 26 tháng 12 năm 2017 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Quản lý, sử dụng tài sản công.

## **Chương II**

### **QUY ĐỊNH, HƯỚNG DẪN VỀ QUẢN LÝ VÀ TÍNH HAO MÒN TÀI SẢN CỐ ĐỊNH**

#### **Mục 1**

#### **QUY ĐỊNH, HƯỚNG DẪN VỀ QUẢN LÝ TÀI SẢN CỐ ĐỊNH**

### **Điều 3. Quy định, hướng dẫn tiêu chuẩn nhận biết tài sản cố định**

#### **1. Tiêu chuẩn nhận biết tài sản cố định hữu hình**

Tài sản cố định hữu hình là những tài sản có hình thái vật chất, có kết cấu độc lập hoặc là một hệ thống gồm nhiều bộ phận riêng lẻ liên kết với nhau để cùng thực hiện một hay một số chức năng nhất định, thỏa mãn đồng thời cả 2 tiêu chuẩn dưới đây:

- a) Có thời gian sử dụng từ 01 (một) năm trở lên;
- b) Có nguyên giá từ 10.000.000 (mười triệu) đồng trở lên.

#### **2. Tiêu chuẩn nhận biết tài sản cố định vô hình**

Tài sản cố định vô hình là những tài sản không có hình thái vật chất mà đơn vị được cấp trên giao quản lý, sử dụng tài sản hoặc đã đầu tư chi phí tạo lập tài sản thỏa mãn đồng thời cả hai tiêu chuẩn quy định tại điểm a, điểm b khoản 1 Điều này.

### **Điều 4. Phân loại tài sản cố định**

#### **1. Phân loại theo tính chất, đặc điểm tài sản; bao gồm:**

##### **a) Tài sản cố định hữu hình**

- Loại 1: Nhà, công trình xây dựng; gồm: Biệt thự, công trình xây dựng cấp

đặc biệt; cấp I, cấp II, cấp III, cấp IV.

- Loại 2: Vật kiến trúc; gồm: Kho chứa, bể chứa, bãi đỗ, sân phơi, sân chơi, sân thể thao, bể bơi; giếng khoan, giếng đào, tường rào; các vật kiến trúc khác.

- Loại 3: Xe ô tô; gồm: Xe ô tô phục vụ công tác các chức danh; xe ô tô phục vụ công tác chung; xe ô tô chuyên dùng; xe ô tô phục vụ lễ tân nhà nước; xe ô tô khác.

- Loại 4: Phương tiện vận tải khác (ngoài xe ô tô); gồm: Phương tiện vận tải đường bộ; phương tiện vận tải đường sắt; phương tiện vận tải đường thủy; phương tiện vận tải hàng không; phương tiện vận tải khác.

- Loại 5: Máy móc, thiết bị; gồm: Máy móc, thiết bị văn phòng phổ biến; máy móc, thiết bị phục vụ hoạt động chung của đơn vị; máy móc, thiết bị chuyên dùng; máy móc, thiết bị khác.

- Loại 6: Cây lâu năm, súc vật làm việc và/hoặc cho sản phẩm, gồm: Các loại súc vật; cây lâu năm, vườn cây lâu năm; vườn cây công nghiệp; vườn cây ăn quả.

- Loại 7: Tài sản cố định hữu hình khác.

b) Tài sản cố định vô hình

- Loại 1: Quyền sử dụng đất.

- Loại 2: Quyền tác giả và quyền liên quan đến quyền tác giả.

- Loại 3: Quyền sở hữu công nghiệp.

- Loại 4: Quyền đối với giống cây trồng.

- Loại 5: Phần mềm ứng dụng.

- Loại 6: Thương hiệu của đơn vị sự nghiệp công lập (bao gồm các yếu tố năng lực, chất lượng, uy tín, yếu tố lịch sử, bề dày truyền thống của đơn vị sự nghiệp công lập và các yếu tố khác có khả năng tạo ra các quyền, lợi ích kinh tế cho đơn vị sự nghiệp công lập).

- Loại 7: Tài sản cố định vô hình khác.

2. Phân loại theo nguồn gốc hình thành tài sản; bao gồm:

a) Tài sản cố định hình thành do mua sắm;

b) Tài sản cố định hình thành do đầu tư xây dựng;

c) Tài sản cố định được giao, nhận điều chuyển;

d) Tài sản cố định được tặng cho, khuyến mại;

đ) Tài sản cố định khi kiểm kê phát hiện thừa chưa được theo dõi trên sổ kế toán;

e) Tài sản cố định được hình thành từ nguồn khác.

**Điều 5. Đối tượng ghi sổ kế toán tài sản cố định**

1. Tài sản sử dụng độc lập được xác định là một đối tượng ghi sổ kế toán tài sản cố định.

2. Một hệ thống gồm nhiều bộ phận tài sản riêng lẻ liên kết với nhau để cùng thực hiện một hay một số chức năng nhất định, mà nếu thiếu bất kỳ một bộ phận nào trong đó thì cả hệ thống không thể hoạt động được thì được xác định là một đối tượng ghi sổ kế toán tài sản cố định.

3. Một hệ thống gồm nhiều bộ phận tài sản riêng lẻ, liên kết với nhau, trong đó mỗi bộ phận cấu thành có thời gian sử dụng khác nhau và có chức năng hoạt động độc lập, đồng thời có sự đòi hỏi phải quản lý riêng từng bộ phận tài sản thì mỗi bộ phận tài sản đó được xác định là một đối tượng ghi sổ kế toán tài sản cố định.

4. Súc vật làm việc và/hoặc cho sản phẩm thì từng con súc vật có giá trị từ 10.000.000 đồng (mười triệu đồng) trở lên được xác định là một đối tượng ghi sổ kế toán tài sản cố định.

5. Vườn cây thuộc khuôn viên đất độc lập, có giá trị từ 10.000.000 đồng (mười triệu đồng) trở lên (không tính giá trị quyền sử dụng đất); hoặc từng cây lâu năm có giá trị từ 10.000.000 đồng (mười triệu đồng) trở lên được xác định là một đối tượng ghi sổ kế toán tài sản cố định.

**Điều 6. Nguyên tắc hạch toán kế toán tài sản cố định**

1. Mỗi tài sản cố định chỉ được hạch toán kế toán ở một cấp đơn vị.

2. Mọi tài sản cố định hiện có tại đơn vị được hạch toán kế toán đầy đủ, chính xác, kịp thời cả về số lượng, giá trị hiện có; tình hình tăng, giảm trong quá trình sử dụng.

3. Trong mọi trường hợp, hạch toán kế toán tài sản cố định phải tôn trọng nguyên tắc đánh giá tài sản cố định theo nguyên giá (giá thực tế hình thành tài sản cố định), giá trị hao mòn và giá trị còn lại.

4. Tài sản cố định đã có quyết định loại khỏi biên chế của cấp có thẩm quyền, tài sản cố định hư hỏng không sử dụng được thì không xác định giá trị để hạch toán kế toán.

**Điều 7. Xác định nguyên giá tài sản cố định hữu hình**

Việc xác định nguyên giá tài sản cố định quy định tại điểm a khoản 1 Điều 4 Thông tư này như sau:

1. Nguyên giá tài sản cố định hình thành từ mua sắm được xác định theo công thức:

$$\text{Nguyên giá tài sản cố định do mua sắm} = \left( \begin{array}{l} \text{Giá trị ghi trên hóa đơn} \\ \text{Giá trị ghi trên hóa đơn} \end{array} \right) - \left( \begin{array}{l} \text{Các khoản chiết khấu thương mại hoặc giảm giá hoặc phạt người bán (nếu có)} \\ \text{hoặc giảm giá hoặc phạt người bán (nếu có)} \end{array} \right) + \left( \begin{array}{l} \text{Chi phí vận chuyển, bốc dỡ, chi phí sửa chữa, cải tạo, nâng cấp, chi phí lắp đặt, chạy thử} \\ \text{Chi phí vận chuyển, bốc dỡ, chi phí sửa chữa, cải tạo, nâng cấp, chi phí lắp đặt, chạy thử} \end{array} \right) - \left( \begin{array}{l} \text{Các khoản thu hồi về sản phẩm, phế liệu do chạy thử} \\ \text{Các khoản thu hồi về sản phẩm, phế liệu do chạy thử} \end{array} \right) + \left( \begin{array}{l} \text{Các khoản thuế (không bao gồm các khoản thuế được miễn hoặc hoàn lại); các khoản phí, lệ phí theo quy định của pháp luật về phí và lệ phí} \\ \text{Các khoản thuế (không bao gồm các khoản thuế được miễn hoặc hoàn lại); các khoản phí, lệ phí theo quy định của pháp luật về phí và lệ phí} \end{array} \right) + \left( \begin{array}{l} \text{Chi phí khác (nếu có)} \\ \text{Chi phí khác (nếu có)} \end{array} \right)$$

Trong đó:

a) Các khoản chiết khấu thương mại hoặc giảm giá hoặc phạt người bán (nếu có) là các khoản được trừ vào giá trị ghi trên hóa đơn được áp dụng trong trường hợp giá trị ghi trên hóa đơn bao gồm cả các khoản chiết khấu thương mại hoặc giảm giá hoặc phạt người bán.

b) Chi phí khác (nếu có) là các chi phí hợp lý liên quan trực tiếp đến việc mua sắm tài sản cố định mà đơn vị đã chi ra tính đến thời điểm đưa tài sản cố định vào sử dụng. Trường hợp phát sinh chi phí chung cho nhiều tài sản cố định thì thực hiện phân bổ chi phí cho từng tài sản cố định theo tiêu chí cho phù hợp (số lượng, giá trị ghi trên hóa đơn của tài sản cố định phát sinh chi phí chung).

2. Nguyên giá của tài sản cố định hình thành từ đầu tư xây dựng là giá trị quyết toán được cơ quan, người có thẩm quyền phê duyệt theo quy định của pháp luật về đầu tư xây dựng.

a) Trường hợp tài sản đã đưa vào sử dụng (do đã hoàn thành việc đầu tư xây dựng) nhưng chưa có quyết toán được cơ quan, người có thẩm quyền phê duyệt thì đơn vị thực hiện ghi sổ và kế toán tài sản cố định kể từ ngày có Biên bản nghiệm thu đưa tài sản vào sử dụng. Nguyên giá ghi sổ kế toán là nguyên giá tạm tính. Nguyên giá tạm tính trong trường hợp này được lựa chọn theo thứ tự ưu tiên sau:

- Giá trị đề nghị quyết toán;
- Giá trị xác định theo Biên bản nghiệm thu A-B;
- Giá trị dự toán Dự án đã được phê duyệt.

b) Khi được cơ quan, người có thẩm quyền phê duyệt quyết toán, đơn vị thực hiện điều chỉnh lại nguyên giá tạm tính trên sổ kế toán theo giá trị quyết toán được phê duyệt; đồng thời xác định lại các chỉ tiêu giá trị còn lại, số hao mòn lũy kế của tài sản cố định để điều chỉnh sổ kế toán và thực hiện kế toán theo quy định.

c) Trường hợp dự án bao gồm nhiều hạng mục, tài sản (đối tượng ghi sổ kế toán tài sản cố định) khác nhau nhưng không dự toán, quyết toán riêng cho từng hạng mục, tài sản thì thực hiện phân bổ giá trị dự toán, quyết toán được cơ quan, người có thẩm quyền phê duyệt cho từng hạng mục, tài sản để ghi sổ kế toán theo tiêu chí cho phù hợp (diện tích xây dựng, số lượng, giá trị dự toán chi tiết của từng tài sản, hạng mục).

3. Nguyên giá tài sản cố định được giao, nhận điều chuyển được xác định như sau:

$$\begin{array}{l} \text{Nguyên giá} \\ \text{tài sản cố} \\ \text{định được} \\ \text{giao, nhận} \\ \text{điều chuyển} \end{array} = \begin{array}{l} \text{Giá trị ghi} \\ \text{trên Biên} \\ \text{bản bàn} \\ \text{giao, tiếp} \\ \text{nhận tài sản} \end{array} + \left( \begin{array}{l} \text{Chi phí vận} \\ \text{chuyển, bốc dỡ,} \\ \text{chi phí sửa chữa,} \\ \text{cải tạo, nâng cấp,} \\ \text{chi phí lắp đặt,} \\ \text{chạy thử} \end{array} \right) - \left( \begin{array}{l} \text{Các khoản} \\ \text{thu hồi về} \\ \text{sản phẩm,} \\ \text{phế liệu do} \\ \text{chạy thử} \end{array} \right) + \begin{array}{l} \text{Các khoản thuế (không} \\ \text{bao gồm các khoản thuế} \\ \text{được hoãn lại); các} \\ \text{khoản phí, lệ phí theo} \\ \text{quy định của pháp luật} \\ \text{về phí và lệ phí} \end{array} + \begin{array}{l} \text{Chi phí} \\ \text{khác} \\ \text{(nếu} \\ \text{có)} \end{array}$$